

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Đại học Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã số: 7810103

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Kinh tế vĩ mô	1.2. Tên tiếng Anh: Macroeconomics
1.3. Mã học phần: KTKTVM.007	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	0
- Tự học:	90 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Trần Thị Thu Thủy
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Các giảng viên theo sự phân công của bộ môn
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu vĩ mô của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ..., Cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề chung về thị trường tiền tệ và ngân hàng. Vai trò của Chính Phủ trong việc điều tiết chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Cung cấp hệ thống các kiến thức về sản lượng nền kinh tế, tổng cung, tổng cầu và các nhân tố ảnh hưởng, phương pháp đo lường sản lượng và chỉ tiêu kinh tế vĩ

mô trong nền kinh tế... Các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp đối với đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế.

- Hệ thống các kiến thức cơ bản về ngân hàng, tiền tệ và hoạt động tiền tệ. Các chính sách và công cụ điều tiết của Chính phủ như chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, thị trường mở, sự cân bằng.

2.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng các kiến thức đã học để tính toán, đo lường sản lượng và nhận định sơ đẳng về thực trạng nền kinh tế.

- Khả năng phân tích sự tác động của chính sách vĩ mô đối với sự điều chỉnh thu nhập, sản lượng, cung cầu tiền tệ...

- Phân tích và đánh giá được tác động của môi trường kinh tế vĩ mô tới hoạt động doanh nghiệp... Từ đó có khả năng tham gia xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế.

- Đồng thời trong quá trình thảo luận và thuyết trình nhóm, sinh viên sẽ rèn luyện được một số các kỹ năng như: hoạt động nhóm, thuyết trình, sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ.

2.2.3. Về thái độ

- Tham dự đầy đủ giờ giảng theo quy định, tự học và tự nghiên cứu tài liệu tham khảo để vận dụng làm bài tập, tham gia thảo luận nhóm có hiệu quả.

- Thái độ nghiêm túc trong học tập, tự rèn luyện để đạt hiệu quả học tập cao.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Hiểu và nhận định cơ bản về nền kinh tế vĩ mô thông qua mục tiêu và sự công bằng trong vĩ mô, các chỉ tiêu về tổng cung, tổng cầu và các nhân tố ảnh hưởng.
CLO2	Khả năng tính toán và phân tích các chỉ tiêu đo lường sản lượng kinh tế, các chính sách tài khoá tác động và sự cân bằng.
CLO3	Hiểu vai trò và chức năng của hệ thống ngân hàng, thị trường tiền tệ và các chính sách tác động của nó đến việc điều tiết cung cầu tiền tệ.
CLO4	Phân tích mối quan hệ của thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ và sự cân bằng của nó.
CLO5	Nhận thức được sự cần thiết của học phần đối với việc phát triển chuyên môn như lập kế hoạch, xử lý số liệu, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn phù hợp. Từ đó có khả năng tham gia xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I		R					I	R		M	
CLO 2	I		R					R	R		M	
CLO 3	I		R					M	R		M	
CLO 4	R		M					M	R		M,A	
CLO 5	R		M					M	R		M,A	
Tổng hợp học phần	I,R		M,R					M	R		M,A	

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,.. ; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%	Toàn quá trình học		X	CLO1 đến CLO 5	Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Chương 1 và chương 2	30%	X	CLO 1, CLO2	Kiểm tra Viết dựa theo thang điểm 10 (9.4) hoặc Rubric 3 (bài tập) hoặc Rubric 4 (thuyết trình) hoặc Rubric 7 (làm việc nhóm)
		A2.2. Tuần 10: Chương 2 và Chương 3	30%	X	CLO 2, CLO 3, CLO4	
		A2.3. Tuần 15: Chương 4 và chương 5	40%	X	CLO 4, CLO 5.	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Viết hoặc Báo cáo tiểu luận hoặc Bài tập lớn		X	CLO 1 đến CLO 5	Đánh giá theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn hoặc Rubric 3 hoặc Rubric 6

Ghi chú: a. Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	CHƯƠNG 1: Tổng quan về kinh tế vĩ mô (9 tiết) 1.1. Khái niệm và đặc trưng của kinh tế học vĩ mô 1.1.1. Khái niệm về kinh tế học vĩ mô 1.1.2. Đặc trưng của kinh tế học vĩ mô 1.1.3. Một số khái niệm liên quan đến nghiên cứu kinh tế học vĩ mô 1.1.4. Mục tiêu và các công cụ điều tiết nền kinh tế vĩ mô	3 LT	Hiểu được bản chất của nghiên cứu kinh tế vĩ mô. Hiểu một số khái niệm liên quan, công cụ và mục tiêu của kinh tế học vĩ mô.	CLO1	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Chuẩn bị nội dung chương 1 ở nhà trong tài liệu 1. Trả lời câu hỏi ở lớp, các câu hỏi được GV gợi mở.	A2.1
2	CHƯƠNG 1: (tiếp theo) 1.2. Tổng cung và tổng cầu 1.2.1. Tổng cung (<i>AS_Aggregate Supply</i>)	3 LT	Lập mô hình tổng cung và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tổng cung.	CLO1		Chuẩn bị nội dung chương 1 ở nhà trong tài liệu 1. Trả lời câu hỏi ở lớp, các câu hỏi được GV gợi mở. Tham khảo các nội dung liên quan ở các tài liệu [2][3][4][5]	
3	1.2.2. Tổng cầu (<i>AD_Aggregate demand</i>) 1.2.3. Sự cân bằng giữa tổng cung và tổng cầu	3 LT	Lập mô hình tổng cầu và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tổng cầu.	CLO1			

4	CHƯƠNG 2: Đo lường sản lượng quốc gia (12 tiết) 2.1. Tổng sản phẩm trong nước (<i>GDP_Gross Domestic Product</i>) 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. GDP danh nghĩa (GDP_n), GDP thực tế (GDP_r) 2.1.3. Chỉ số giá điều chỉnh GDP ($D_{GDP} - GDP\ deflator$)	3 LT	Hiểu bản chất của chỉ tiêu GDP, phân loại GDP và chỉ số giá điều chỉnh.	CLO2	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Chuẩn bị nội dung chương 2 ở nhà trong tài liệu 1. Trả lời câu hỏi ở lớp do GV đặt ra, làm các bài tập chương 2. Tham khảo các nội dung liên quan ở các tài liệu [2][3][4][5]	
5	CHƯƠNG 2: (tiếp theo) 2.2. Phương pháp xác định tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2.2.1. Phương pháp cung trên (thu nhập) 2.2.2. Phương pháp cung dưới (chi tiêu) 2.2.3. Phương pháp sản xuất	3 LT	Biết phương pháp tính GDP.	CLO2		- Chuẩn bị nội dung chương 2 ở nhà trong tài liệu 1. Trả lời câu hỏi ở lớp do GV đặt ra, làm các bài tập chương 2. Tham khảo các nội dung liên quan ở các tài liệu [2][3][4][5].	
6	2.3. Tổng sản phẩm quốc dân ($GNP_Gross\ National\ Product$) 2.3.1. Khái niệm tổng sản phẩm quốc dân 2.3.2. Nguyên tắc và phương pháp xác định tổng sản phẩm quốc dân (GNP) 2.4. Mối quan hệ của các chỉ tiêu kinh tế	3 LT	Hiểu chỉ tiêu GNP và phương pháp xác định, các chỉ tiêu liên quan.	CLO 2	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Trả lời câu hỏi ở lớp do GV đặt ra, làm các bài tập chương 2. Tham khảo các nội dung liên quan ở các tài liệu [2][3][4][5].	A 2.2
7	CHƯƠNG 2: (tiếp theo) 2.5. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI - Consumer Price Index) 2.5.1. Khái niệm và ý nghĩa 2.5.2. Phương pháp xác định chỉ số giá tiêu dùng 2.6. Sản lượng tiềm năng, lạm phát và thất nghiệp 2.7.1. Định luật Okun	3 LT	Phân tích chỉ số CPI và phương pháp xác định CPI. Sự tác động của lạm phát và thất nghiệp đối với nền kinh tế vĩ mô.	CLO 2		- Xây dựng mô hình, làm việc nhóm, thảo luận, bài tập theo yêu cầu	

	2.7.2. Tỷ lệ lạm phát						
8	CHƯƠNG 3. Tổng cầu và chính sách tài khoá (9 tiết) 3.1. Tổng cầu và các nhân tố xác định tổng cầu 3.1.1. Các nhân tố xác định tổng cầu 3.1.2. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng	3 LT	Phân tích các tham số trong tổng cầu.	CLO 2 CLO 4	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Chuẩn bị nội dung chương 3 ở nhà, trả lời câu hỏi của GV, làm các bài tập chương 3. Tham khảo các nội dung liên quan ở các tài liệu [2][3][4][5] - Xây dựng mô hình, làm việc nhóm, thảo luận, bài tập theo yêu cầu.	
9	CHƯƠNG 3. Tổng cầu và chính sách tài khoá (tiếp theo) 3.1.3. Tổng cầu trong nền kinh tế mở	3 LT	Xác định hàm số của các nhân tố trong tổng cầu đối với nền kinh tế mở	CLO 2 CLO 4			
10	3.2. Chính sách tài khoá của chính phủ 3.2.1. Sự thay đổi của các yếu tố trong tổng cầu 3.2.1. Tình trạng cán cân ngân sách 3.2.2. Tình trạng cán cân thương mại	3 LT	Chính sách của chính phủ đối với sự điều chỉnh sản lượng và tổng cầu, phân tích tình trạng ngân sách và tình trạng thương mại trong nền kinh tế	CLO 2 CLO 4			
11	CHƯƠNG 4: Tiền tệ và hoạt động của thị trường tiền tệ (9 tiết) 4.1. Tiền tệ và chức năng của tiền tệ (Monetary) 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Chức năng tiền tệ và các hình thái tiền tệ 4.1.3. Các đại lượng cung tiền 4.2. Hệ thống ngân hàng 4.2.1. Sự ra đời của ngân hàng 4.2.2. Chức năng của ngân hàng trung ương và các ngân hàng thương mại 4.2.3. Công cụ kiểm soát mức cung ứng tiền tệ.	3 LT	Hiểu bản chất của việc hình thành cung tiền, chức năng của tiền trong vận hành nền kinh tế.	CLO 3	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Chuẩn bị nội dung chương 4 và trả lời câu hỏi của GV, Tham khảo các nội dung liên quan ở các tài liệu [2][3][4][5] để thảo luận nhóm. - Xây dựng mô hình, làm việc nhóm, thảo luận, bài tập theo yêu	A2.3

12	CHƯƠNG 4: (tiếp theo) 4.3. Mức cầu tiền và công cụ điều tiết 4.3.1. Mức cầu về tiền 4.3.2. Công cụ điều tiết cầu về tiền	3 LT	Biết được các yếu tố ảnh hưởng đến cầu tiền và các công cụ làm thay đổi cầu tiền.	CLO 3	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	cầu.	
13	CHƯƠNG 4: (tiếp theo) 4.4. Sự cân bằng và tác động của chính sách tiền tệ 4.4.1. Sự cân bằng của thị trường tiền tệ 4.4.2. Tác động của chính sách tiền tệ đối với cung cầu tiền tệ 4.4.2. Mối quan hệ giữa lãi suất và sản lượng (tổng cầu)	3 LT	Phân tích được điểm cân bằng của thị trường tiền tệ, chính sách lãi suất, đầu tư ảnh hưởng đến cầu về tiền.	CLO 3	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn		
14	CHƯƠNG 5: Sự cân bằng của thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ (IS-LM) (6 tiết) 5.1. Đường IS (Investment Saving) 5.1.1. Bản chất của phương trình IS 5.1.2. Sự hình thành của phương trình IS	3 LT	Xây dựng mối quan hệ giữa đầu tư và tiết kiệm; mối quan hệ giữa lãi suất và cung tiền.	CLO 4 CLO 5	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Chuẩn bị nội dung chương 5 và trả lời câu hỏi của GV, Tham khảo các nội dung liên quan ở các tài liệu [2][3][4][5] để thảo luận nhóm.	
15	CHƯƠNG 5: (tiếp theo) 5.2. Đường LM (Liquidity preference _Money supply) 5.2.1. Bản chất của phương trình LM 5.2.2. Sự hình thành của phương trình LM 5.3. Cân bằng đồng thời của thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ	3 LT	Mối quan hệ giữa thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ	CLO 4 CLO 5	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Xây dựng mô hình, làm việc nhóm, thảo luận, bài tập theo yêu cầu.	
Theo lịch	Kiểm tra cuối kì			CLO 1 đến	Phòng học	Thi trên giấy hoặc bài tập lớn hoặc tiểu	A3. Chương

thi				CLO 5		luận	1 đến chương 5
-----	--	--	--	-------	--	------	-------------------

(*) Ghi chú: (1) Số tuần có thể được thấp hơn 15 theo sự phân công lịch học với số tiết ở mục 3 có thể nhiều hơn 3 tiết

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Trần Thị Thu Thủy	2023	Giáo trình kinh tế vĩ mô (lưu hành nội bộ)	Trường Đại học Quảng Bình.
2	Phạm Quang Phan	2006	Giáo trình Kinh tế học vĩ mô	Nhà xuất bản Thống kê.
3	Nguyễn Văn Ngọc	2007	Bài giảng Kinh tế vĩ mô	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Bùi Quang Bình	2008	Giáo trình kinh tế vĩ mô	Nhà xuất bản Giáo dục
5	Nguyễn Văn Công	2008	giáo trình nguyên lý kinh tế vĩ mô	Nhà xuất bản Lao động.
6	Nguyễn Văn Công, Hoàng Yến	2002	Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A hoặc Giảng đường C	Phòng học	01	Các buổi học
		Projector	01	Các buổi học
		Màn hình chiếu	01	Các buổi học

9. Rubric đánh giá

9.1. Đánh giá chuyên cần (Attendace Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.	50%

				bài học là hiệu quả.	Các đóng góp rất hiệu quả.	
--	--	--	--	----------------------	----------------------------	--

9.2. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

9.3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiệu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu.	25%

	quy định	từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	and conclusion)	trong trình bày	Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

9. 4. Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

9.5. Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung đồ án	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	60%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu.	Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	20%
Bản vẽ kỹ thuật	Không có hoặc thiếu	Đầy đủ số lượng bản vẽ/hình ảnh (3)	Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội	Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội dung	Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội dung	20%

và hình ảnh	bản vẽ/hình ảnh, bản vẽ/hình ảnh không đúng nội dung theo quy định.	bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ/hình ảnh không được thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng, thiếu một số phần trên các bản vẽ/hình ảnh	dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ đầy đủ, rõ ràng. Còn một số lỗi về trình bày (sai chính tả, nét vẽ).	theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ, rõ ràng.	theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ, rõ ràng. Thể hiện việc sử dụng thành thạo công cụ vẽ trên máy tính, có thể ứng dụng trong công trình xây dựng thực tế.	
-------------	---	--	---	---	---	--

9.6. Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Rubric 7: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm(chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không Bao giờ tham gia vào thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên trong nhóm.	Hợp tác phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Trần Tự Lực

TS. Trần Thị Thu Thủy

TS. Trần Thị Thu Thủy

KHOA KINH TẾ - DU LỊCH
BỘ MÔN TC - KTCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: KINH TẾ VĨ MÔ (MACROECONOMICS)

Mã học phần: KTKTVM.007

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học Kế toán **Hệ:** chính quy

1. Thành phần, địa điểm và thời gian nghiệm thu:

Thời gian nghiệm thu: phút, ngày tháng năm 2023

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch

Thành phần của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

1. Chủ tịch Hội đồng: ThS. Phan Thị Thu Hà
2. Thư ký: TS. Bùi Khắc Hoài Phương
3. Ủy viên – phản biện 1. ThS Nguyễn Thị Kim Phụng
4. Ủy viên – Phản biện 2. ThS Lê Khắc Hoài Thanh
5. Ủy viên: TS. Trần Thị Thu Thủy

2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:

- Phản biện 1: ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng đưa ra ý kiến nhận xét (có văn bản kèm theo).
- Phản biện 2: ThS. Lê Khắc Hoài Thanh đưa ra ý kiến nhận xét (có văn bản kèm theo).
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên trong Hội đồng: Học phần Kinh tế vĩ mô đã làm rõ được các mục tiêu học phần thông qua nội dung chi tiết ở bảng 4. Chuẩn đầu ra học phần phù hợp với mục tiêu của học phần, tài liệu tham khảo phù hợp với môn học. Tuy nhiên, cần dò lại nội dung bảng mối quan hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng 2. Mục 9.1 của Rubric 7 “Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)” thiết kế chưa đủ trọng số 100%.

3. Kết luận của Hội đồng:

Về hình thức:

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Các chương mục đã thiết kế hợp lý gồm 5 chương, các nội dung chi tiết phù hợp.
- Phân bố thời gian phù hợp với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận giữa các chuẩn đầu ra học phần.
- Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng, một số lỗi đánh máy.

Về nội dung:

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán. Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liên hệ thực tế cho sinh viên. Có khả năng ứng dụng các kiến thức và mô hình thực tế để đạt các chuẩn đầu ra của học phần.

- Cần dò lại Bảng mối quan hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng 2. Mục 9.1 của Rubric 7 “Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)” thiết kế chưa đủ trọng số 100%.

Kết luận: Chương trình cần chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng trước khi được nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

ThS. Phan Thị Thu Hà

TS. Bùi Khắc Hoài Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. Ủy viên – phản biện 1. ThS Nguyễn Thị Kim Phụng

2. Ủy viên – Phản biện 2. ThS Lê Khắc Hoài Thanh

3. Ủy viên: TS. Trần Thị Thu Thủy

.

KHOA KINH TẾ - DU LỊCH
BỘ MÔN TC - KTCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: KINH TẾ VĨ MÔ (MACROECONOMICS)

Mã học phần: KTKTVM.007

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành

Hệ: chính quy

Nội dung nhận xét:

** Về hình thức:*

Chương trình đã được soạn đúng theo mẫu quy định, trình bày rõ ràng, logic. Phân bố các chương mục phù hợp. Tuy nhiên cần chỉnh sửa một số lỗi định dạng, lỗi đánh máy.

** Về nội dung:*

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán. Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên được thể hiện mức độ đạt được trong các mục tiêu từng bài học và phân loại được trình độ của sinh viên.

- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Mục tiêu về kiến thức và kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, các hình thức quy định kiểm tra phù hợp.

- Cần dò lại Bảng mối quan hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng 2. Bổ sung tài liệu tham khảo của cá nhân năm 2023

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

NGƯỜI NHẬN XÉT

ThS. Lê Khắc Hoài Thanh

** Về hình thức:*

Chương trình đã được soạn đúng theo mẫu quy định, trình bày rõ ràng logic. Phân bố các chương mục phù hợp. Tuy nhiên cần chỉnh sửa một số lỗi định dạng, lỗi đánh máy.

** Về nội dung:*

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán. Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên được thể hiện mức độ đạt được trong các mục tiêu từng bài học và phân loại được trình độ của sinh viên.

- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Mục tiêu về kiến thức và kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, các hình thức quy định kiểm tra phù hợp.

- Cần dò lại Bảng mối quan hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng 2. Mục 9.1 của Rubric 7 “ Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)” thiết kế chưa đủ trọng số 100%. Bổ sung bài giảng năm 2023.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023
NGƯỜI NHẬN XÉT

ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

Ghi chú:

Đề cương chi tiết học phần trình bày kiểu chữ thống nhất Times New Roman, cỡ chữ văn bản 13, cỡ chữ trong các bảng 12 bằng hệ soạn thảo WinWord; mật độ chữ bình thường khoảng cách dòng 1.3 lines; lề trên và dưới 2,0 cm, lề trái 3,0 - 3,5 cm, lề phải 2,0 cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên mỗi trang giấy. Thụt đầu dòng 1,25 cm hàng chữ đầu tiên của mỗi đoạn văn, văn bản căn lề hai bên.

PHẦN NÀY PHỤC VỤ CHO VIỆC HOÀN THIỆN CTDT

KHÔNG THỂ HIỆN TRÊN VĂN BẢN

10.2. Mối quan hệ giữa nội dung các học phần với chuẩn đầu ra

TT	Các học phần	PLOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin			H		M			M	L	H	H	H
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh			H	M	M			M	L	H	H	H
3	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam			H	M				M	M	H	H	H

Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp

